

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Văn Xuân Anh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 30/11/2012)
Ông Nguyễn Đình Thi	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19/07/2012)
Ông Nguyễn Chơn Hùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 14/05/2012)
Ông Phùng Văn Đức	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30/11/2012)
Ông Trần Anh Thái	Thành viên	
Ông Lê Liệu	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 30/11/2012)
Ông Lê Quốc Hưng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 14/05/2012)
Ông Nguyễn Xuân Bài	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 13/07/2012)
Ông Nguyễn Tài Anh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 14/05/2012)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Văn Xuân Anh	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 27/06/2012)
Ông Ngô Vũ An	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Bài	Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 27/06/2012)
Ông Nguyễn Xuân Bài	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 13/07/2012)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Văn Xuân Anh**  
**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2013*

Số: /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo lập ngày 21/01/2013 của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) từ trang 03 đến trang 21. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

**Chúng tôi xin lưu ý vấn đề sau**

Như đã trình bày trong phần Thuyết minh số 07 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2010, Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu theo tiến độ kế hoạch với giá trị là 12.670.961.113 đồng căn cứ theo bảng xác nhận khối lượng hoàn thành do Công ty tự xác định và đã kết chuyển giá vốn tương ứng với phần doanh thu đã ghi nhận này là 9.493.835.421 đồng làm tăng lợi nhuận năm 2010 lên một khoản tương ứng là 3.177.125.692 đồng. Số dư các khoản doanh thu theo tiến độ kế hoạch đã ghi nhận từ năm 2010 nhưng đến ngày 31/12/2012 chưa được thanh toán với số tiền là khoảng 4,9 tỷ đồng.

---

**Nguyễn Minh Hùng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2013

---

**Trịnh Thị Hồng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0026/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>27.679.341.248</b>	<b>31.026.081.980</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>2.509.635.048</b>	<b>7.094.231.515</b>
1. Tiền	111		359.635.048	1.631.546.515
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.150.000.000	5.462.685.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.360.065.253</b>	<b>13.535.274.655</b>
1. Phải thu khách hàng	131	5	6.165.546.461	5.501.565.896
2. Trả trước cho người bán	132	6	1.041.452.685	998.003.645
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	7	8.124.105.465	6.760.704.672
4. Các khoản phải thu khác	135		28.960.642	275.000.442
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>9.003.053.537</b>	<b>9.139.881.398</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.003.053.537	9.139.881.398
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>806.587.410</b>	<b>1.256.694.412</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	295.465.312
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		17.076.593	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	789.510.817	961.229.100
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>1.502.911.777</b>	<b>2.048.762.948</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.431.520.917</b>	<b>1.888.742.738</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.431.520.917	1.877.576.068
- Nguyên giá	222		3.911.462.233	3.940.368.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.479.941.316)	(2.062.792.702)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	11.166.670
- Nguyên giá	228		67.000.000	67.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.000.000)	(55.833.330)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>71.390.860</b>	<b>160.020.210</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	71.390.860	160.020.210
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>29.182.253.025</b>	<b>33.074.844.928</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>13.355.541.535</b>	<b>11.606.179.052</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.355.541.535</b>	<b>11.606.179.052</b>
1. Phải trả người bán	312	12	2.830.773.440	2.304.904.327
2. Người mua trả tiền trước	313	13	4.904.309.816	3.665.029.681
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	265.738.061	417.255.044
4. Phải trả người lao động	315		267.858.425	468.457.207
5. Chi phí phải trả	316	15	4.163.315.973	4.227.124.745
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	720.727.645	523.408.048
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		202.818.175	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>	<b>17</b>	<b>15.826.711.490</b>	<b>21.468.665.876</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>15.826.711.490</b>	<b>21.468.665.876</b>
1. Vốn điều lệ	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		146.866.588	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		(4.320.155.098)	1.468.665.876
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>29.182.253.025</b>	<b>33.074.844.928</b>

Văn Xuân Anh  
Giám đốc

Nguyễn Văn Đám  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vân Dung  
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 02-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2012	Năm 2011
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>6.996.595.969</b>	<b>15.598.258.771</b>
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>6.996.595.969</b>	<b>15.598.258.771</b>
3. Giá vốn hàng bán	11	19	8.209.938.388	11.003.014.123
<b>4. Lợi nhuận/(Lỗ) gộp về bán hàng</b>	<b>20</b>		<b>(1.213.342.419)</b>	<b>4.595.244.648</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	447.153.283	557.368.694
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.844.912.074	4.788.659.051
<b>7. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(4.611.101.210)</b>	<b>363.954.291</b>
8. Thu nhập khác	31		400.000	11.244.727.473
9. Chi phí khác	32		137.520.001	6.870.992.091
<b>10. Lợi nhuận/(Lỗ) khác</b>	<b>40</b>		<b>(137.120.001)</b>	<b>4.373.735.382</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(4.748.221.211)</b>	<b>4.737.689.673</b>
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	-	1.114.583.796
<b>13. Lãi/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(4.748.221.211)</b>	<b>3.623.105.877</b>
14. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	22	(2.374)	1.812

**Văn Xuân Anh**  
Giám đốc

**Nguyễn Văn Đăm**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Vân Dung**  
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2012	2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lãi/(Lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(4.748.221.211)</b>	<b>4.737.689.673</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>		<b>(18.837.999)</b>	<b>(47.012.488)</b>
- Khấu hao tài sản cố định	02	428.315.284	510.356.206
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(447.153.283)	(557.368.694)
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(4.767.059.210)</b>	<b>4.690.677.185</b>
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(1.653.072.315)	8.704.637.132
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	136.827.861	(3.623.581.216)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	890.586.525	(5.157.307.049)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	384.094.662	(251.701.973)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(1.114.583.796)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(5.008.622.477)</b>	<b>3.248.140.283</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(23.527.273)	(24.909.092)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn k	22	400.000	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.680.647.057
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	447.153.283	557.368.694
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>424.026.010</b>	<b>2.213.106.659</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(4.584.596.467)</b>	<b>5.461.246.942</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>7.094.231.515</b>	<b>1.632.984.573</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>2.509.635.048</b>	<b>7.094.231.515</b>

Văn Xuân Anh  
Giám đốc

Nguyễn Văn Đám  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vân Dung  
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2013



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 20/07/2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng.

Các cổ đông sáng lập của Công ty gồm:

	<b>Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</b>		<b>Vốn đã góp 31/12/2012</b>	
	<b>VND</b>	<b>(%)</b>	<b>VND</b>	<b>(%)</b>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.200.000.000	51	10.200.000.000	51
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	3.739.000.000	18,7	3.739.000.000	18,7
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý nguồn điện	660.000.000	3,3	660.000.000	3,3
Các cổ đông khác	5.401.000.000	27	5.401.000.000	27
	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 59 người (tại ngày 31/12/2011 là 62 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Giám sát thi công xây dựng công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, lĩnh vực lắp thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công nghệ điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực lắp đặt thiết bị điện; Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường bộ, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện;
- Thiết kế kiến trúc, thiết kế quy hoạch, nội thất công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng công nghiệp; Thiết kế công trình thủy lợi thủy điện;
- Khảo sát trắc địa công trình; Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát thiết kế công trình thủy lợi, hạ tầng, nông thôn: cấp thoát nước, môi trường; Thiết kế đường dây và trạm biến áp; Thiết kế xây dựng các công trình ngầm và khai thác mỏ; Thiết kế xây dựng công trình điện; Thiết kế lắp đặt thiết bị điều khiển tự động công trình thủy điện; Thiết kế công trình trên sông; Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ; Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế kết cấu công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện thấp sáng, điện dung năng lượng mặt trời, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**Các bên liên quan**

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam: Giá trị vốn góp của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Việt Nam là 10.200.000.000 đồng tương đương 51% - Quan hệ dưới dạng công ty mẹ - công ty con.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na và Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrông: Là công ty quan hệ dưới dạng công ty mẹ - công ty con với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm 2012 (Số năm sử dụng)
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của Phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 03 (ba) năm.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 02 (hai) năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi số bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phải trả trong năm là các chi phí trích trước cho công trình, dự án, bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lương, chi phí sản xuất chung và chi phí thầu phụ.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trong năm, Công ty có tự thực hiện ước tính doanh thu căn cứ vào phần công việc đã hoàn thành được xác định theo một trong ba phương pháp sau, tùy thuộc vào bản chất của dịch vụ:

- (a) Đánh giá phần công việc đã hoàn thành;
- (b) So sánh tỷ lệ (%) giữa khối lượng công việc đã hoàn thành với tổng khối lượng công việc phải hoàn thành;
- (c) Tỷ lệ (%) chi phí đã phát sinh so với tổng chi phí ước tính để hoàn thành toàn bộ giao dịch cung cấp dịch vụ.

Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ghi nhận giá vốn**

Công ty ghi nhận chi phí giá vốn dựa vào dự toán chi phí tương ứng với phần khối lượng công việc hoàn thành được công ty ban hành với từng công trình, dự án. Và dự toán này có thể được điều chỉnh, bổ sung hàng năm theo sự tác động của yếu tố thị trường và tình hình thực tế.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Tại ngày 31/12/2012, Công ty có khoản lỗ là 4.748.221.211 đồng có thể được sử dụng để khấu trừ liên tục vào thu nhập chịu thuế của những năm tiếp theo (tối đa là 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trên do Công ty chưa chắc chắn được về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	60.043.110	357.667.072
Tiền gửi ngân hàng	299.591.938	1.273.879.443
Các khoản tương đương tiền (*)	2.150.000.000	5.462.685.000
	<b>2.509.635.048</b>	<b>7.094.231.515</b>

Ghi chú: (\*) Các khoản tương đương tiền trình bày các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	855.289.768	1.473.936.807
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trường Thành	3.127.952.565	2.499.198.584
Ban QLDA Phát triển Điện lực - TCTDL Miền Bắc	1.302.378.886	598.986.872
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	108.460.500	225.718.329
Các đối tượng khác	771.464.742	703.725.304
	<b><u>6.165.546.461</u></b>	<b><u>5.501.565.896</u></b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty cổ phần Bến En	146.951.262	146.951.262
Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Xã hội VN	101.608.000	91.608.000
Công ty CP Dịch vụ Viễn thông I.P (IPCOMS)	94.830.560	94.830.560
Công ty CP TM&PT Du lịch Việt Nam	142.410.257	142.410.257
KH37-Nguyễn Hồng Sơn	-	100.000.000
Các đối tượng khác	555.652.606	422.203.566
	<b><u>1.041.452.685</u></b>	<b><u>998.003.645</u></b>

**7. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu công trình Ngòi Hút	234	1.372.847.143
Phải thu công trình Nậm Pàn (Tư vấn thiết kế)	3.530.695.061	3.530.695.061
Phải thu công trình Nậm Pàn (Khảo sát)	1.360.800.000	1.360.800.000
Phải thu công trình Nậm Chà	-	496.362.468
Phải thu công trình 110KV Đăkrinh (Khảo sát)	764.092.280	-
Phải thu công trình 110KV Đăkrinh (Tư vấn thiết kế)	943.147.312	-
Giá trị Công trình TĐC, T ĐC Đăkrinh	1.168.194.221	-
Giá trị Công trình tam giác thủy công Đăkrinh	357.176.357	-
	<b><u>8.124.105.465</u></b>	<b><u>6.760.704.672</u></b>

Số dư các khoản doanh thu theo tiến độ kế hoạch đã được ghi nhận từ năm 2010 nhưng đến ngày 31/12/2012 chưa được thanh toán với số tiền là khoảng 4,9 tỷ đồng liên quan đến các khoản phải thu của công trình Nậm Pàn. Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng các khoản công nợ liên quan đến doanh thu ghi nhận trước đều phát sinh từ các bên liên quan, lịch thanh toán được quản lý bởi Tập đoàn để cân đối các khoản phải trả, phải thu của các công ty trong khu vực. Theo đó, Ban Giám đốc không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình</b>		
Công trình Thủy điện Nậm Pàn 5	362.465.779	355.865.779
Công trình Thủy điện Luang Prabang	-	2.448.202.349
Công trình Thủy điện Ngòi Hút	2.893.470.406	1.725.873.348
Công trình nhiệt điện Thái Bình	1.473.037.902	679.997.809
Dự án Lọc hoá dầu Nghi Sơn	557.674.761	542.343.916
Công trình NM Nhiệt điện Long Phú - Sông Hậu	318.350.839	283.792.329
Công trình thủy điện Hòa Na	122.278.565	902.858.433
Công trình thủy điện Nậm Chà 3	416.265.760	394.257.044
Công trình Quảng Trạch	740.801.346	560.758.587
Công trình thủy điện Đakđrinh	355.242.556	464.543.031
Công trình Phong Điện Hòa Thắng	950.929.452	178.479.337
Các công trình khác	812.536.171	602.909.436
	<b>9.003.053.537</b>	<b>9.139.881.398</b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

Tài sản ngắn hạn khác tại thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2012 phản ánh giá trị của khoản Tạm ứng phải thu của cán bộ công nhân viên với số tiền 789.510.817 đồng (giá trị tại 31/12/2011 là 961.229.100 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>3.062.558.100</b>	<b>877.810.670</b>	<b>3.940.368.770</b>
Mua trong năm	-	23.527.273	23.527.273
Giảm do thanh lý		38.433.810	38.433.810
Giảm khác		14.000.000	14.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>3.062.558.100</b>	<b>848.904.133</b>	<b>3.911.462.233</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>1.272.669.978</b>	<b>790.122.724</b>	<b>2.062.792.702</b>
Khấu hao trong năm	388.879.836	70.202.588	459.082.424
Giảm do thanh lý		38.433.810	38.433.810
Giảm khác		3.500.000	3.500.000
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>1.661.549.814</b>	<b>818.391.502</b>	<b>2.479.941.316</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>1.789.888.122</b>	<b>87.687.946</b>	<b>1.877.576.068</b>
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>1.401.008.286</b>	<b>30.512.631</b>	<b>1.431.520.917</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Số dư đầu năm	160.020.210	125.246.900
Tăng trong năm	92.247.828	269.766.293
Phân bổ vào chi phí trong năm	(180.877.178)	(191.229.644)
Phân loại sang chi phí trả trước ngắn hạn		-
<b>Tại ngày kết thúc kỳ kế toán (*)</b>	<b>71.390.860</b>	<b>160.020.210</b>

Ghi chú: (\*) Chi phí trả trước dài hạn tại 31/12/2012 chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ còn được phân bổ.

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty CP Tư vấn Việt - Delta	1.614.761.333	1.614.761.333
Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu - CN Tây Bắc	303.218.000	303.218.000
Tổng Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế DK	556.045.763	384.954.748
Các đối tượng khác	356.748.344	1.970.246
	<b>2.830.773.440</b>	<b>2.304.904.327</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu	97.598.619	174.597.173
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	724.836.757	292.783.700
Ban QLDA Vũng Áng Quảng Trạch	1.686.824.496	1.775.204.689
Công ty CP Năng lượng Dầu khí Toàn Cầu	753.176.000	753.176.000
Công ty CP thủy điện Đăkrinh	1.292.346.230	527.020.000
Các đối tượng khác	349.527.714	142.248.119
	<b>4.904.309.816</b>	<b>3.665.029.681</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	265.738.061	410.303.986
Thuế thu nhập cá nhân(*)	-	6.951.058
	<b>265.738.061</b>	<b>417.255.044</b>

Ghi chú: (\*) Thuế thu nhập cá nhân được Công ty tạm tính, số thuế chính thức phải nộp sẽ được điều chỉnh khi làm quyết toán năm với cơ quan thuế.

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Trích trước chi phí chi tiết theo công trình</b>		
Chi phí TVTKBVTC công trình Nậm Pàn	1.357.375.566	1.607.943.876
Chi phí khảo sát công trình thủy điện Nậm Pàn 5	1.265.544.000	1.265.544.000
Chi phí san lấp mặt bằng - Thái Bình	124.197.164	126.696.786
Chi phí TK Feed Thái Bình điều chỉnh	160.506.529	505.360.393
Chi phí TK Feed Thái Bình điều chỉnh (trả PVE)	29.232.306	184.769.592
Chi phí TKBVTC - Nậm Chà	171.304.529	171.304.529
Chi phí thuê B phụ công trình băng thông rộng	166.818.828	-
Chi phí thuê B phụ KS 110kv Đakđrinh	146.659.982	-
Các công trình khác	741.677.069	365.505.569
	<b>4.163.315.973</b>	<b>4.227.124.745</b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	19.153.419	15.126.115
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiền phí thương hiệu	-	507.707.707
Cổ tức phải trả cổ đông năm 2011	600.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	101.574.226	574.226
	<b>720.727.645</b>	<b>523.408.048</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn điều lệ (VND)</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối</b>
<b>Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b>20.000.000.000</b>	-	<b>(2.154.440.001)</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	3.623.105.877
Tăng/(Giảm) khác trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2011</b>	<b>20.000.000.000</b>	-	<b>1.468.665.876</b>
Lợi nhuận/(Lỗ) trong năm	-	-	(4.621.201.211)
Chi trả cổ tức trong năm (*)	-	-	(600.000.000)
Trích quỹ dự phòng tài chính (*)	-	146.866.588	(146.866.588)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(293.733.175)
Chi thù lao năm 2011 cho Hội đồng quản trị	-	-	(127.020.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2012</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>146.866.588</b>	<b>(4.320.155.098)</b>

Ghi chú: (\*) Theo Nghị quyết Hội đồng cổ đông thường niên số 08/NQ-ĐHDCĐ-TVĐLDK ngày 14/05/2012, Công ty đã thực hiện phân phối với tổng số tiền là 1.167.619.763 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2011.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31/08/2011, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	<b>Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</b>		<b>Vốn đã góp 31/12/2012</b>	
	<b>VND</b>	<b>(%)</b>	<b>VND</b>	<b>(%)</b>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.200.000.000	51	10.200.000.000	51
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	3.739.000.000	18,7	3.739.000.000	18,7
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý nguồn điện	660.000.000	3,3	660.000.000	3,3
Các cổ đông khác	5.401.000.000	27	5.401.000.000	27
	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>

**Cổ phiếu**

	<b>Năm 2012 Cổ phiếu</b>	<b>Năm 2011 Cổ phiếu</b>
<b>Cổ phiếu phổ thông</b>		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	2.000.000	2.000.000
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
+ Mệnh giá của cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	2.000.000	2.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	824.583.937	710.394.745
Chi phí nhân công	5.833.942.968	8.097.452.039
Chi phí khấu hao tài sản cố định	470.249.094	508.890.085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.215.335.291	2.195.177.661
Chi phí khác	3.601.203.846	4.517.418.352
<b>Cộng</b>	<b>11.945.315.136</b>	<b>16.029.332.882</b>

**19. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Doanh thu phát sinh trong năm của Công ty được hình thành từ phí khảo sát, tư vấn, thiết kế kỹ thuật, lập bản vẽ thi công,... của các công trình thủy điện với giá trị trị 6.996.595.969 đồng (năm 2011 là 15.598.258.771 đồng) và giá vốn tương ứng là 8.209.938.388 đồng (năm 2011 là 11.003.014.123 đồng).

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	447.153.283	557.368.694
	<b>447.153.283</b>	<b>557.368.694</b>

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>(4.748.221.211)</b>	<b>4.737.689.673</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(4.748.221.211)</b>	<b>4.737.689.673</b>
Chuyển lỗ năm 2008 (*)	-	(279.354.491)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(4.748.221.211)</b>	<b>4.458.335.182</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>1.114.583.796</b>

Ghi chú: (\*) Công ty đã thực hiện việc chuyển lỗ kinh doanh năm 2008 liên tục vào kết quả kinh doanh năm 2010 và năm 2011 với số tiền 1.465.066.752 đồng, số lỗ còn lại chưa chuyển là 1.465.066.752 đồng.

Trong năm, Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho các khoản lỗ thuần tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai. Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận (lỗ) kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận (lỗ) cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
<b>Lãi/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(4.748.221.211)</b>	<b>3.623.105.877</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	2.000.000	2.000.000
<b>Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(2.374)</b>	<b>1.812</b>
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

**23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 609.916.304 đồng.

Tại ngày 31/12/2012, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	787.299.055	130.254.656
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	1.574.598.109	32.563.664

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tài sản</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.509.635.048	7.094.231.515
Các khoản phải thu ngắn hạn	15.360.065.253	13.535.274.655
Tài sản ngắn hạn khác	806.587.410	961.229.100
<b>Tổng tài sản</b>	<b>18.676.287.711</b>	<b>21.590.735.270</b>
<b>Nợ phải trả</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.735.083.256	5.969.934.008
Chi phí phải trả	2.873.487.876	4.227.124.745
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>10.608.571.132</b>	<b>10.197.058.753</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không phát sinh các khoản vay, tiền gửi có giá trị lớn theo đó, Công ty không đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường liên quan đến lãi suất; các rủi ro liên quan đến tỷ giá hối đoái và giá, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu của công trình thủy điện Nậm Pàn 5 với giá trị 4.891.495.061 đồng phát sinh từ năm 2010.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<b>Bất kỳ thời điểm nào</b>	<b>Dưới 3 tháng</b>	<b>Từ 3 đến 12 tháng</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Tài sản</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	359.635.048	2.150.000.000	-	2.509.635.048
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	-	15.360.065.253	15.360.065.253
Tài sản ngắn hạn khác	-	-	806.587.410	806.587.410
<b>Tổng tài sản</b>	<b>359.635.048</b>	<b>2.150.000.000</b>	<b>16.166.652.663</b>	<b>18.676.287.711</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	-	-	7.735.083.256	7.735.083.256
Chi phí phải trả	-	-	2.622.919.566	2.622.919.566
Phải trả phải nộp khác	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.358.002.822</b>	<b>10.358.002.822</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>359.635.048</b>	<b>2.150.000.000</b>	<b>5.808.649.841</b>	<b>8.318.284.889</b>

Mức chênh lệch thanh khoản ròng của Công ty đều dương chứng tỏ khả năng thanh khoản của Công ty được đánh giá khá tốt. Tuy mức chênh lệch thanh khoản ròng của các công cụ tài chính có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng thể hiện dương 5.558.081.531 đồng nhưng chủ yếu là do các khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng, trong đó có khoản phải thu của công trình thủy điện Nậm Pàn 5 với giá trị 4.891.495.061 đồng phát sinh từ năm 2010. Theo đó, Công ty đã thực hiện giám sát rủi ro về thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bán hàng</b>		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	299.893.268	1.654.268.099
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	30.218.182
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	400.651.707	607.048.041
<b>Số dư các bên liên quan</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	108.460.500	225.718.329
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	160.524.747	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	724.836.757	292.783.700

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Thu nhập HĐQT và Ban Giám đốc*

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương, thu nhập khác	681.211.388	1.079.840.876

**26. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán.

\_\_\_\_\_  
**Văn Xuân Anh**  
Giám đốc

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Văn Đảm**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Vân Dung**  
Người lập biểu

*Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2013*